

Số: 1928/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 16 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề cương nhiệm vụ xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 730/TTr-SNN&MT ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Đề cương nhiệm vụ xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải

rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã được phê duyệt tại Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh yêu cầu (mục 3.2 khoản 3, Điều 1 Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ):

a) Tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành đối với một quá trình sản xuất, tạo ra sản phẩm và đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức; đảm bảo tính tiên tiến, tính thống nhất và tính kế thừa (nếu có).

b) Định mức được xây dựng trên cơ sở thực tiễn sản xuất, bảo đảm tính ổn định trong thời gian nhất định; khi có sự thay đổi công nghệ, quy định pháp luật hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn thì định mức phải được điều chỉnh hoặc xây dựng mới.

c) Bảo đảm sự tập trung thống nhất trong công tác xây dựng định mức; khuyến khích, phát huy quyền chủ động của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng định mức.

d) Bảo đảm tính đúng, tính đủ các hao phí cần thiết để hoàn thành một bước công việc hoặc tạo ra một sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định kỹ thuật, quy trình kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, ban hành.

2. Bổ sung phạm vi thực hiện:

a) Phạm vi không gian: Trên toàn bộ địa giới hành chính của tỉnh Phú Thọ, tập trung chủ yếu vào khu vực đô thị và các tuyến trục chính liên xã, phường đang có hoạt động thu gom tập trung thường xuyên.

b) Phạm vi nội dung: Chỉ tập trung xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho các công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại tại nguồn và vệ sinh công cộng.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện: 03 tháng (hoàn thành trong tháng 9 năm 2026).

4. Điều chỉnh phương thức thực hiện: Rà soát, tổng hợp số liệu thực tế từ các địa phương, các đơn vị đang thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; đồng thời đối chiếu, so sánh với các định mức dịch vụ tương đồng đã được ban hành (các Bộ chuyên ngành hoặc các tỉnh lân cận ban hành) để phân tích, chuẩn hóa số liệu, đảm bảo xây dựng bộ định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Phú Thọ.

5. Điều chỉnh nội dung thực hiện:

a) Tổ chức khảo sát, thu thập dữ liệu, lựa chọn phạm vi, đối tượng thực hiện các công việc trên cơ sở thực tế từ các địa phương, các đơn vị đang thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Tổng hợp, xử lý số liệu, xác định phương án và xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 30 nội dung công việc trong công tác dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, cụ thể bao gồm:

*** Đối với dịch vụ vệ sinh công cộng:**

- (1) Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công.
- (2) Công tác quét, gom rác trên đường phố bằng thủ công.
- (3) Công tác quét, gom rác trên hè, quảng trường, công viên bằng thủ công.
- (4) Công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công.
- (5) Công tác quét đường phố bằng cơ giới.
- (6) Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công.
- (7) Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới.
- (8) Công tác xúc tạp chất rác sinh hoạt, phế thải xây dựng, phế thải công kênh bằng thủ công lên phương tiện cơ giới để vận chuyển đến nơi xử lý.
- (9) Công tác xúc tạp chất rác sinh hoạt, phế thải xây dựng, phế thải công kênh bằng cơ giới lên phương tiện cơ giới để vận chuyển đến nơi xử lý.
- (10) Công tác vận chuyển tạp chất rác sinh hoạt, phế thải xây dựng bằng cơ giới đến nơi xử lý (bao gồm các loại xe có tải trọng khác nhau và cự ly vận chuyển khác nhau).
- (11) Thu gom thùng rác về điểm tập kết để vệ sinh bằng ô tô (cự ly bình quân $15 \text{ km} < L \leq 20 \text{ km}$).
- (12) Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công.
- (13) Công tác tua vĩa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch.
- (14) Công tác thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép (bao gồm các loại xe có tải trọng khác nhau và cự ly vận chuyển khác nhau).

(15) Công tác thu gom rác sinh hoạt từ thùng rác bên đường và tại các cơ sở y tế, vận chuyển đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép (bao gồm các loại xe có tải trọng khác nhau và cự ly vận chuyển khác nhau).

(16) Công tác thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại đến cơ sở tiếp nhận bằng phương tiện cơ giới nhỏ (xe tải thùng dưới 1 tấn hoặc xe ba bánh gắn máy).

(17) Công tác vận chuyển chất thải rắn hỗn hợp chưa phân loại từ điểm tập kết đến trạm trung chuyển (hoặc từ trạm trung chuyển đến cơ sở tiếp nhận) bằng xe cuốn ép (bao gồm các loại xe có tải trọng khác nhau và cự ly vận chuyển khác nhau).

(18) Vận chuyển chất thải rắn hỗn hợp chưa phân loại từ điểm tập kết đến trạm trung chuyển (hoặc từ trạm trung chuyển đến cơ sở tiếp nhận) bằng xe hooklip (bao gồm các loại xe có tải trọng khác nhau và cự ly vận chuyển khác nhau).

(19) Công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt chưa phân loại tại các ngõ, ngách, đường xóm bằng thủ công.

(20) Công tác vệ sinh, hót đất xô trên mặt đường, rãnh tam giác bằng thủ công lên phương tiện cơ giới để vận chuyển đến bãi tập kết.

(21) Công tác vận chuyển đất xô trên mặt đường, rãnh tam giác bằng phương tiện cơ giới đến bãi tập kết.

(22) Công tác tưới nước, rửa đường.

(23) Công tác vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường.

(24) Công tác vệ sinh thùng, xe đẩy tay thu gom rác thải sinh hoạt.

(25) Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng.

(26) Công tác vệ sinh, khử mùi, phun chế phẩm sinh học tại điểm tập kết rác thải sinh hoạt.

*** Đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt:**

(1) Vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh.

(2) Vận hành cơ sở đốt chất thải rắn sinh hoạt không thu hồi năng lượng công suất ≤ 24 tấn/ngày.

(3) Tái chế chất thải rắn sinh hoạt thành nguyên, nhiên liệu đốt (RPF/RDF hoặc dầu FOR); nguyên liệu làm phân và phân compost; vật liệu san lấp, vật liệu xây dựng; đồng xử lý hoặc đốt thu hồi năng lượng; đốt tại lò đốt với tổng công suất hệ thống ≤ 500 tấn/ngày đêm.

(4) Xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng công nghệ sản xuất phân compost.

6. Điều chỉnh sản phẩm giao nộp của nhiệm vụ: Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (30 nội dung công việc); Báo cáo thuyết minh tính toán chi tiết kèm theo file dữ liệu gốc tính toán định mức; Các tài liệu, hồ sơ liên quan theo quy định.

7. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Trọng Tấn